

Vietnam Monthly Review

2020 M04

BSC Research

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11, Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh

Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3812 8885

Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- Chỉ số PMI giảm xuống 32.7 điểm, tiếp tục giảm mạnh sau khi giảm còn 41.9 điểm trong tháng 3/2020, và thấp hơn mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2020 ước tính đạt 293.9 nghìn tỷ đồng, giảm 20.5% so với tháng trước và giảm 26% so với cùng kỳ năm trước.
- FDI đăng ký đạt mức 9.8 tỷ USD tăng 31.46% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt mức 5.2 tỷ USD giảm 8.77% so với năm ngoái
- Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,510 – 23,650 USD/VND, giảm so với biên độ 23,245 – 23,760 USD/VND trong tháng 03. Lãi suất liên ngân hàng tại trung hạn duy trì tại mức thấp. Lãi suất liên ngân hàng tại ngắn hạn tăng mạnh vào tuần đầu trước khi giảm tại các tuần kế tiếp

Thị trường chứng khoán

- Tính đến ngày 29/04/2020, VN-Index chính thức tăng 106.6 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+16.09% MoM, -19.97% Ytd) và HNX-Index tăng +14.2 điểm (+15.33% MoM, +4.22% Ytd).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn giảm nhẹ -5.52% so với tháng 03/2020, và đạt mức 4,779 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 205.11 triệu USD/phiên.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong tháng 04. Họ bán ròng mạnh trên sàn HSX với giá trị -6,129 tỷ và -405 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index hồi phục mạnh lên mức 11.83 tương ứng +16.07% MoM, -21.56% Ytd và HNX-Index tăng trở lại mức 8.56 tương ứng +15.33% MoM, +15.02% Ytd. So với tháng 03, P/E của chỉ số VN-Index giảm xuống vị trí thứ 14 và HNX-Index tăng lên vị trí thứ 19 trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 05

Dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh dần đi vào ổn định hỗ trợ thị trường tháng 5 dù vậy thị trường không còn các yếu tố thuận lợi rõ rệt để duy trì đà tăng tốt. Kịch bản “Sell in May and Go away” sẽ phụ thuộc khá lớn vào khả năng hồi phục của các nền kinh tế chủ chốt sau dịch bệnh và dòng tiền đầu tư trên TT. Với bối cảnh hiện tại, chúng tôi thận trọng với diễn biến ngắn hạn và dự báo thị trường sẽ vận động quanh 750 (± 50 điểm). BSC đưa ra 2 kịch bản tham khảo như sau:

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 750 điểm và vận động phân hóa theo những chủ đề lớn liên quan đến đầu tư công, hồi phục sản xuất.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index quay lại kiểm tra vùng đáy cũ nếu các nền kinh tế chủ chốt không hồi phục như kỳ vọng sau dịch bệnh và áp lực thoái vốn từ khối ngoại.
- **Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan quan trọng Báo cáo triển vọng ngành Q2 2020 ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu cổ phiếu ngành Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
 - Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hoạt động đẩy mạnh đầu tư công như Thép, Xi măng VLXD, Nhựa đường;
 - Nhóm hưởng lợi từ NVL đầu vào giảm như Phân bón, Xăm lớp, Hóa chất;
 - Các cổ phiếu Tiện ích, cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Danh mục-Invest: Danh mục đáng chú ý trong tháng **Theme_Hàng tiêu dùng_33.8%**.

Bức tranh vĩ mô tháng 4/2020

Tăng trưởng kinh tế

- Chỉ số PMI giảm xuống 32.7 điểm, tiếp tục giảm mạnh sau khi giảm còn 41.9 điểm trong tháng 3/2020, và thấp hơn mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2020 ước tính giảm 13.3% so với tháng trước và giảm 10.5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 10.7%; chế biến, chế tạo giảm -11.3%; sản xuất và phân phối điện giảm -6.9%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2.0%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 4 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 29.3%, sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 8%, thoát nước và xử lý nước thải tăng 7.7%

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 4/2020 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: linh kiện điện thoại tăng 38.9%; phân U rê tăng 21.6%; bột ngọt tăng 19.4%.

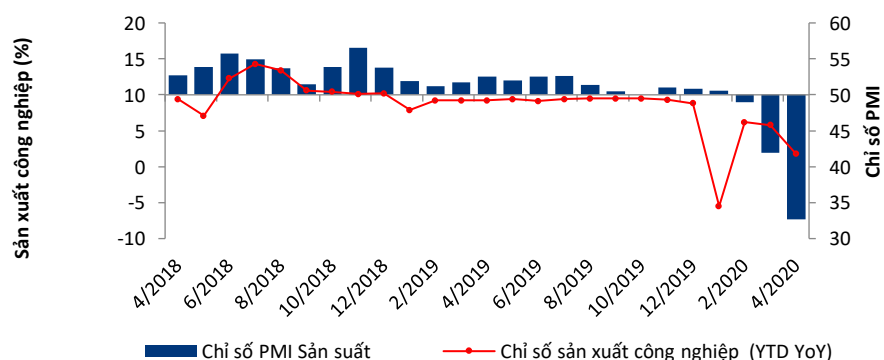
Trong bốn tháng đầu 2020, trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tăng khá so với cùng kỳ năm trước: sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 25.9%, sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 16.9%, khai thác quặng kim loại tăng 16.5%

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong bốn tháng đầu 2020 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: linh kiện điện thoại tăng 28.5%; bột ngọt tăng 19.2%; xăng dầu các loại tăng 13.9%.

Sản xuất công nghiệp tháng 4/2020 ước tính giảm 10.5% so với cùng kỳ năm trước, do tiếp tục chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19. Trong 4 tháng đầu năm 2020, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chỉ tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua.

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



PMI tháng 4/2020 giảm xuống 32.7 điểm, tiếp tục giảm mạnh sau khi giảm còn 41.9 điểm trong tháng 3, thấp hơn nhiều mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm. Dữ liệu mới nhất phản ánh việc suy giảm các điều kiện sản xuất kinh doanh bởi việc bắt buộc thực hiện các biện pháp phòng chống Covid-19:

- Đơn đặt hàng mới cùng sản lượng sản xuất giảm tiêu cực trong tháng qua bởi hoạt động kinh doanh đình trệ khi chính phủ triển khai lệnh giãn cách;
- Đơn đặt hàng xuất khẩu cũng giảm mạnh khi các đối tác chủ chốt của Việt Nam tiếp tục chịu tác động của dịch trong tháng 4;
- Lực lượng lao động giảm bởi lượng tồn đọng công việc hạn chế khi đơn đặt hàng mới giảm;
- Hoạt động mua hàng giảm khi nhu cầu sản xuất giảm với việc đơn đặt hàng mới giảm.
- Trong tình hình như vậy, triển vọng kinh doanh một năm chuyển sang trạng thái tiêu cực, do lo ngại tác động kéo dài của đại dịch.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc suy giảm xuống mức 49.4 điểm trong tháng 4 báo hiệu suy giảm trở lại của các điều kiện sản xuất kinh doanh, sau khi phục hồi tích cực trong tháng 3 ([tham khảo các tín hiệu hồi phục vĩ mô và diễn biến TTCK Trung Quốc tại phụ lục 1](#)). Sản lượng sản xuất tiếp tục tăng khi hoạt động kinh doanh được tái khởi động sau giai đoạn giãn cách phòng chống Covid-19. Trái lại, với việc các nước chủ chốt tiếp tục vật lộn với dịch bệnh trong tháng qua, đơn đặt hàng xuất khẩu, và theo đó, đơn đặt hàng mới giảm tiêu cực.

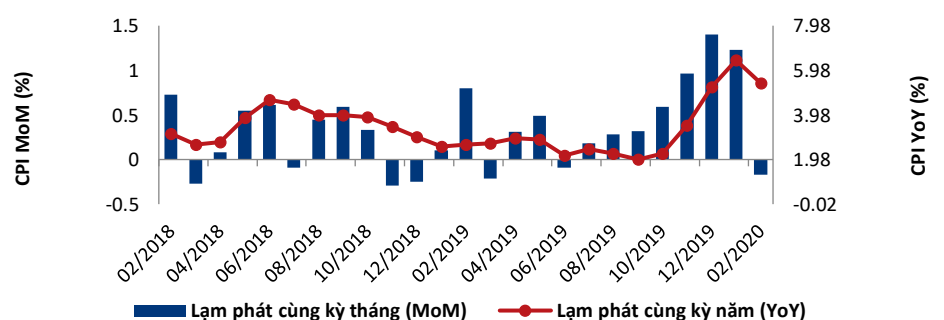
Lạm phát

- **CPI tháng 04 giảm 1.54% so với tháng 03 chủ yếu do giá xăng dầu giảm mạnh, đồng thời giá nhiều mặt hàng phi lương thực, thực phẩm giảm khi người dân thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19.**

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 04 giảm 1.54% so với tháng trước, và tăng tăng 2.93% so với cùng kỳ năm 2019. Lạm phát cơ bản tháng 04/2020 giảm 0.15% so với tháng trước và tăng 2.71% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng

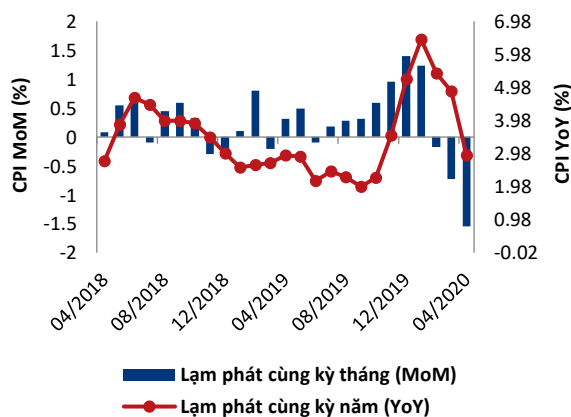


Nguồn: GSO, BSC Research

Trong tháng 04, chỉ số giá của 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận giảm giá so với tháng trước. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- **Nhóm giao thông giảm 13.86%** do ảnh hưởng của 2 đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 29/3/2020 và thời điểm 13/4/2020 làm chỉ số giá xăng, dầu giảm 28.48% (tác động làm CPI chung giảm 1.18%), bên cạnh đó, trong bối cảnh dịch Covid-19 lan rộng toàn cầu, nhiều chương trình khuyến mại để kích cầu tiêu dùng của các hãng đưa ra nhằm giảm lượng hàng tồn kho làm giá nhiều mặt hàng giao thông giảm, đồng thời giá vé một số phương tiện giao thông cũng giảm do nhu cầu đi lại bị hạn chế (giá vé ô tô khách giảm 0.2%, giá vé taxi giảm 0.74%);
- **Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 2.33%** chủ yếu do nhiều hộ gia đình giảm giá thuê nhà ở để hỗ trợ người tiêu dùng trong tình hình dịch bệnh nên giá thuê nhà ở giảm 0.97%, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0.27%, giá gas giảm 19.74%, và giá dầu hỏa giảm 29.97%;
- **Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0.4%** do nhu cầu đi du lịch giảm mạnh.

Đồ thị 3
Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1: Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	0.66	11.78
2	Đồ uống và thuốc lá	0.13	1.62
3	May mặc, mũ nón, giày	-0.17	0.95
4	Nhà ở và VLXD	-2.33	1.41
5	Thiết bị và đồ dùng gia	0.06	1.35
6	Thuốc và dịch vụ y tế	0.03	3.3
7	Giao thông	-13.86	-19.57
8	Bưu chính viễn thông	-0.02	-0.6
9	Giáo dục	0	4.63
10	Văn hoá, giải trí và du lịch	-0.4	-1.29
11	Khác	-0.13	3.34

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2020 ước tính đạt 293.9 nghìn tỷ đồng, giảm 20.5% so với tháng trước và giảm 26% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4/2020 ước tính đạt 257.4 nghìn tỷ đồng, giảm 13.4% MoM và giảm 15.3% YoY.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI đăng ký đạt mức 9.8 tỷ USD tăng 31.46% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt mức 5.2 tỷ USD giảm 8.77% so với năm ngoái.
- Bốn tháng đầu 2020, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa là tâm điểm thu hút dòng vốn FDI

Tổng vốn FDI đăng ký mới đến hết 20/04/2020 của 984 dự án (-9.1% YoY) đạt 6.8 tỷ USD (+26.9% YoY), cộng với 3 tỷ USD vốn đăng ký điều chỉnh của 335 dự án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 9.8 tỷ USD (+31.46% YoY).

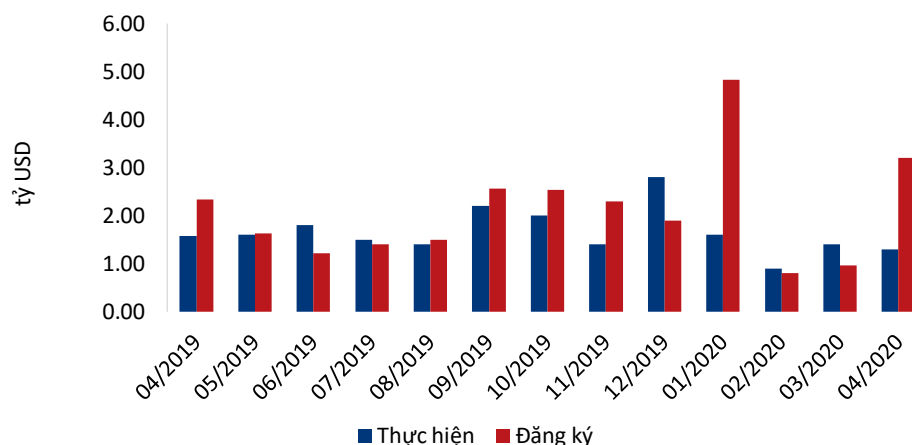
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đến hết 20/04/2020 ước tính đạt 5.2 tỷ USD, giảm -8.77% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong bốn tháng đầu 2020, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa được cấp phép mới đầu tư nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 4 tỷ USD, chiếm 59% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt 2.2 tỷ USD, chiếm 32.9%; các ngành còn lại đạt 0.5 tỷ USD, chiếm 8.1%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 5 tỷ USD, chiếm 50.3% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 3.8 tỷ USD, chiếm 39.1%; các ngành còn lại đạt 1.1 tỷ USD, chiếm 10.6%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Bạc Liêu (4 tỷ USD), Hà Nam (0.4 tỷ USD), TP. Hồ Chí Minh (0.3 tỷ USD).

Trong 4 tháng đầu năm, Singapore là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 4.27 tỷ USD, chiếm 62.9% tổng vốn đăng ký cấp mới; đứng thứ hai là Đài Loan với 0.65 tỷ USD, chiếm 9.5% và Trung Quốc với 0.51 tỷ USD, chiếm 7.5%.

Thương mại, Xuất nhập khẩu

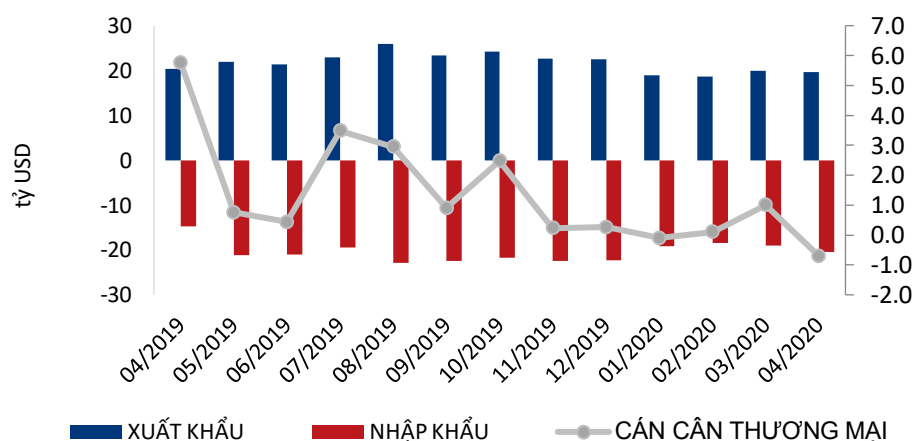
- Cán cân thương mại tháng 04 ước tính nhập siêu 0.7 tỷ USD. Cán cân thương mại 4 tháng đầu năm 2020 ước tính xuất siêu 3 tỷ USD.
- Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 04 ước đạt 19.7 tỷ USD, giảm 18.4% so với tháng trước và giảm 3.5% so với cùng kỳ 2019. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 82.94 tỷ USD, tăng 4.7% so với cùng kỳ 2019.
- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 04 ước đạt 20.4 tỷ USD, giảm 7.9% so với tháng trước và giảm 2.3% so với cùng kỳ 2019. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 79.89 tỷ USD, tăng 2.1% so với cùng kỳ 2019.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 04 ước đạt 19.7 tỷ USD, giảm 18.4% so với tháng trước và giảm 3.5% so với cùng kỳ 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6.35 tỷ USD, giảm 16.7% so với tháng trước và giảm 1.4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.35 tỷ USD, giảm 19.1% so với tháng trước, và giảm 4.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 4/2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn gồm điện thoại và linh kiện đạt mức 16.2 tỷ USD (+1.1%), điện tử, máy tính và linh kiện đạt 12.4 tỷ USD (+28.6% YoY), dệt may đạt 8.9 tỷ USD (-5.8%).

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 82.94 tỷ USD, tăng 4.7% so với cùng kỳ 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 26.45 tỷ USD, tăng 12.1% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 56.49 tỷ USD, tăng 1.5% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 5

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	16.18	1.10
2	Điện tử máy tính	12.38	28.60
3	Dệt may	8.93	-5.80
4	Máy móc, thiết bị khác	6.90	29.60
5	Giày dép	5.45	1.30
6	Gỗ & SP từ gỗ	3.43	10.10
7	PT vận tải & phụ tùng	2.71	-3.90
8	Thủy sản	2.22	-8.50
9	Sắt thép	1.43	-4.70
10	Rau quả	1.28	-8.70

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	17.75	12.50
2	Máy móc, thiết bị	11.54	(0.10)
3	Điện thoại, linh kiện	4.27	12.00
4	Vải	3.63	(10.90)
5	Sắt thép	2.92	(6.40)
6	Chất dẻo	2.81	(1.40)
7	SP chất dẻo	2.28	14.60
8	Kim loại khác	2.01	(2.10)
9	SP hóa chất	1.93	20.50
10	Ô tô	1.88	(22.40)

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 04 ước đạt 20.4 tỷ USD, giảm 7.9% so với tháng trước và giảm 2.3% so với cùng kỳ 2019. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8.9 tỷ USD, giảm 3.3% so với tháng trước và giảm 4.4% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.5 tỷ USD, giảm 11.1% so với tháng trước và giảm 0.7% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 4/2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn gồm điện tử, máy tính và linh kiện đạt mức 17.8 tỷ USD (+12.5% YoY), máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 11.5 tỷ USD (-0.1% YoY), điện thoại và linh kiện đạt 4.3 tỷ USD (+12% YoY)

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 79.89 tỷ USD, tăng 2.1% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 33.58 tỷ USD, tăng 1.1% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 46.31 tỷ USD, tăng 2.9% so với cùng kỳ năm trước.

Do lo ngại việc tạm dừng xuất, nhập khẩu ở các thị trường lớn đang có dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu trong 10 ngày cuối tháng Ba, trong đó Công ty Samsung gần như đã hoàn thành xuất khẩu sản phẩm điện thoại phiên bản mới

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá USD/VND trong tháng 04 giảm so với tháng 2 khi dòng tiền thế giới rời khỏi các tài sản trú ẩn như USD
- Vận động chỉ số Dollar Index trong tháng 04 biến động nhẹ hơn tháng trước do mối lo ngại của các nhà đầu tư về dịch Covid-19 giảm dần.

Tỷ giá trung tâm trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,216 – 23,272 USD/VND, tăng so với biên độ 23,190 – 23,260 USD/VND trong tháng 03. Mức trung bình trong tháng là 23,241 USD/VND. Ngày 29/04, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,224, tăng 0.44% YTD và tăng 1.04% YoY.

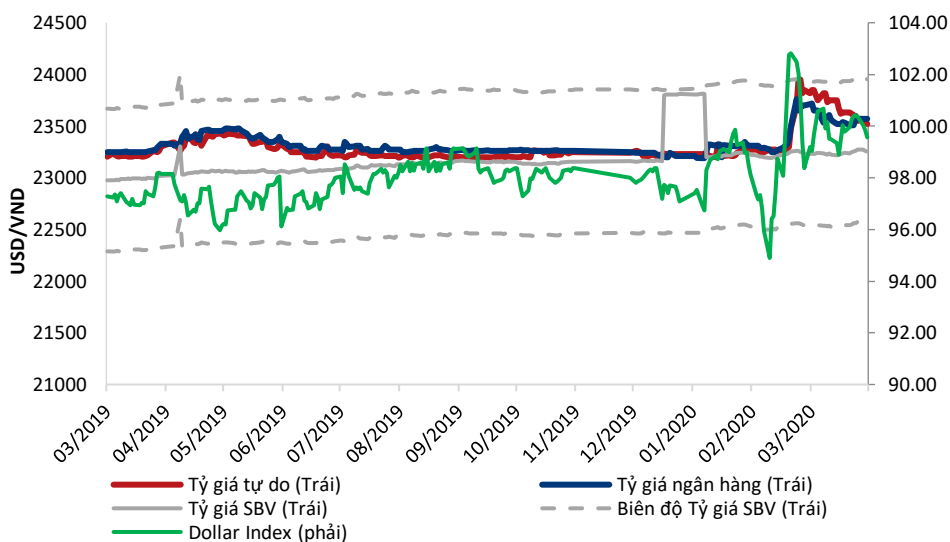
Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,510 – 23,650 USD/VND, giảm so với biên độ 23,245 – 23,760 USD/VND trong tháng 03. Mức trung bình trong tháng là 23,559 USD/VND. Ngày 29/04, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,570, tăng 1.42% YTD và tăng 1.03% YoY.

Tỷ giá tự do trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,520 – 23,850 USD/VND, giảm so với biên độ 23,250 – 23,950 USD/VND trong tháng 03. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23,670 USD/VND. Ngày 29/04, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,520, tăng 1.12% YTD và tăng 0.92% YoY.

Chỉ số giá Dollar Index tháng 04 tăng 0.52% so với cuối tháng 03, và tăng 1.45% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong biên độ từ 98.89 – 100.69 điểm, với mức trung bình tháng đạt 99.92 điểm. Hiện tại chỉ số đạt mức 99.57 điểm.

Đồ thị 6

Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng - Lãi suất

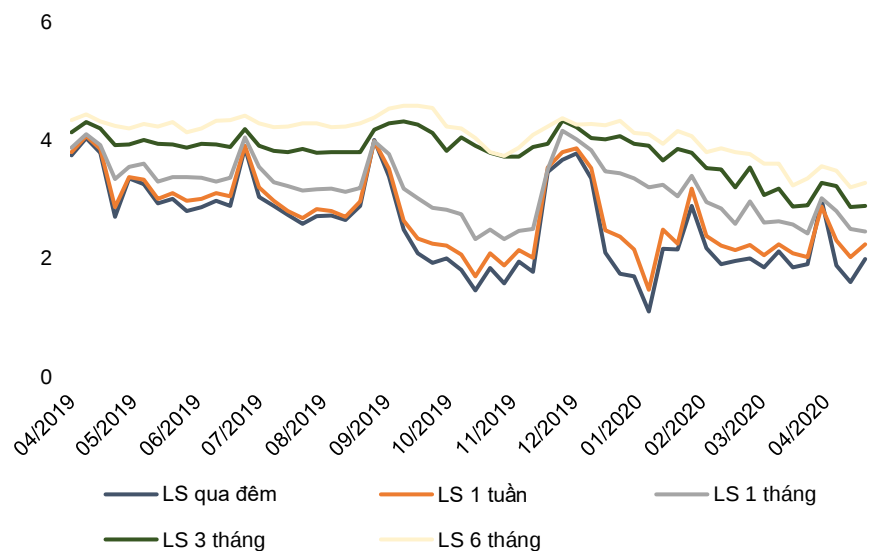
- **Lãi suất liên ngân hàng tại trung hạn duy trì tại mức thấp. Lãi suất liên ngân hàng tại ngắn hạn tăng mạnh vào tuần đầu trước khi giảm tại các tuần kế tiếp.**
- **Mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ, mặt bằng lãi suất cho vay trung và dài hạn vẫn khá ổn định.**

Lãi suất liên ngân hàng trung hạn tháng 4/2020 duy trì tại mức thấp. Lãi suất ngắn hạn tăng mạnh vào tuần đầu tháng khi Ngân hàng Nhà nước ban hành công văn 2342/NHNN-TT yêu cầu các ngân hàng thực hiện chính sách điều chỉnh giảm phí thanh toán. Lãi suất ngắn hạn giảm mạnh trở lại vào tuần tiếp theo, đồng thời NHNN bơm ròng 4,655.64 tỷ đồng qua kênh OMO, sau khi bơm ròng 20,836 tỷ đồng trong tuần liền trước. NHNN sau đó bơm thêm 1.03 tỷ đồng vào ngày 17/4 và 1.05 tỷ đồng vào ngày 22/4. Tại ngày 29/04, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 2.00%, 2.23%, 2.97%, 3.53% và 3.77%.

Mặt bằng lãi suất huy động VND phổ biến ở mức 0.5-1.0%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4.3-4.75%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5.3-6.8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6.6-7.4%/năm. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6.0-9.0%/năm đối với ngắn hạn; 9.0-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 05/2020

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 05/2020 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

1. **Dịch COVID 19:** Ngày 30/04/2020, toàn cầu đã có hơn 3,230,433 người đã bị nhiễm bệnh trên toàn thế giới và hơn 228,394 người đã chết nhưng đồng thời 1,007,136 người đã hồi phục. Tình trạng dịch bệnh ở một số quốc gia đã có dấu hiệu suy yếu và dẫn đến sự nới lỏng về lệnh phong tỏa đất nước cùng xu hướng mở cửa trở lại của các doanh nghiệp. Hiện tại các quốc gia đã và sẽ nới lỏng vào tuần đầu tháng 05 lại như sau:
 - a. Châu Âu: Đức, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Ý, Đan Mạch, Cộng hòa Séc, Na Uy, Ba Lan.
 - b. Châu Á: Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Ấn Độ
 - c. Châu Mỹ: Hoa Kỳ
 - d. Châu Úc: Úc, New Zealand.

Nhìn chung đa số các quốc gia bắt đầu việc cách ly xã hội hoặc phong tỏa từ trong khoảng từ 1-2 tháng. Tình trạng hồi phục của nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ bắt đầu vào tháng 05 khi đa số các nước đã nới lỏng lệnh phong tỏa và cho phép các doanh nghiệp hoạt động trở lại với các biện pháp phòng hộ dịch bệnh an toàn. Xu hướng này đi kèm với các chính sách hỗ trợ kinh tế của các quốc gia được kỳ vọng sẽ làm hạn chế đà suy giảm của nền kinh tế toàn cầu trong quý II/2020.

2. **Kết quả GDP Q1.2020 của Hoa Kỳ và cuộc họp chính sách của FED (29/04):** Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 29/04 cho biết sẽ tiếp tục duy trì mục tiêu lãi suất hiện tại ở mức từ 0%-0.25% cho đến khi tin tưởng rằng nền kinh tế đã vượt qua được những biến cố gần đây. Chủ tịch FED cũng cho biết nền kinh tế Hoa Kỳ sẽ cần nguồn chi tiêu bổ sung từ Quốc hội và Nhà Trắng để đảm bảo sự phục hồi mạnh sau sự suy thoái từ đại dịch. Hiện tại, chính phủ Hoa Kỳ đã cung cấp hơn 2.6 nghìn tỷ đô la thông qua các biện pháp hỗ trợ kinh tế trong hai tháng qua. Cục Dự trữ Liên bang sẽ mở rộng các dịch vụ và điều kiện cho cho khoản vay trị giá 600 tỷ đô hướng tới trợ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kết thúc quý I/2020, nền kinh tế Hoa Kỳ bị suy giảm 4.8% so với cùng kỳ năm trước, số lượng người thất nghiệp cũng đã đạt mức 30 triệu người (từ đầu năm đến 22/04). Sự suy giảm này không chỉ là dấu hiệu khởi đầu của một cuộc suy thoái mà còn là sự sụt giảm lớn nhất trong sản lượng kinh tế hàng quý kể từ quý IV năm 2008. Các cấu phần kinh tế đều suy giảm so với cùng kỳ, trong đó tiêu dùng cá nhân giảm mạnh nhất với mức -7.6% trong khi chiếm đến khoảng 70% tỷ trọng nền kinh tế Hoa Kỳ. Sang quý II, hầu hết các nhà kinh tế đều dự đoán một con số giảm mạnh nữa nhưng họ cũng mong đợi các gói kích thích trong tháng 03 sẽ hạn chế được đà thu hẹp của nền kinh tế Hoa Kỳ. Điều đáng lưu ý là tỷ trọng tiết kiệm cá nhân đã tăng lên mức 9.6% trong quý I.2020 từ mức 7.6% trong quý IV.2019. Đại dịch coronavirus có thể sẽ dẫn

đến sự thay đổi về xu hướng tiêu dùng như giảm chi tiêu và gia tăng tài sản tiết kiệm khi tâm lý họ trở nên cẩn trọng trước tốc độ suy giảm của nền kinh tế.

- 3. Kết quả GDP Q1.2020 của EU và cuộc họp chính sách ECB (30/04):** Ngân hàng Trung ương châu Âu đã triển khai các khoản vay rẻ nhất từ trước đến nay cho các ngân hàng eurozone và cho biết họ sẽ xem xét mở rộng chương trình mua trái phiếu trị giá 750 tỷ euro (815 tỷ USD), khuếch đại nguồn lực ngăn chặn sự sụp đổ kinh tế từ đại dịch coronavirus. Họ giữ nguyên mức lãi suất hiện tại, nhưng sẽ cung cấp các khoản vay bốn năm cho các ngân hàng với mức lãi suất thấp tới 1%. ECB cũng sẽ viện trợ có mục tiêu đến các quốc gia cần thiết để ngăn chặn bất kỳ sự phân mảnh tài chính nào trong nhóm liên minh tiền tệ - tín hiệu cho việc mua nợ chính phủ của Ý và Tây Ban Nha. Dữ liệu công bố vào thứ Năm (30/04) cho thấy nền kinh tế khu vực đồng euro đã giảm mạnh với tốc độ kỷ lục đạt 14.4% trong ba tháng đầu năm. Các thành viên phía Bắc Eurozone có suy giảm nhẹ hơn so với các nước ở phía Nam. Áo báo cáo mức giảm hàng năm là 9,6%, trong khi GDP Ý giảm 17,6% và Tây Ban Nha giảm 19,2%. Lạm phát Eurozone đã giảm xuống chỉ còn 0,4% trong tháng 4 từ mức 0.7% của tháng trước, đạt mức thấp nhất trong gần 4 năm, khá thấp so với mục tiêu 2% của ECB. Trong những ngày gần đây, chính phủ các nước châu Âu đã đặt ra kế hoạch mở khóa nền kinh tế của họ. Họ lên kế hoạch dỡ bỏ dần các biện pháp phong tỏa từ tháng 5, việc mở cửa trở lại sẽ kéo dài vào mùa hè và được thực hành cẩn thận để ngăn chặn những đợt bùng phát mới. Các nhà chức trách đã cảnh báo họ sẽ áp đặt các hạn chế mới trong trường hợp tỷ lệ mắc bệnh gia tăng. Tuần tới, Tây Ban Nha sẽ cho phép các cửa hàng bán lẻ nhỏ mở cửa và Ý sẽ cho phép sản xuất và xây dựng tiếp tục. Tuy nhiên, Ý và Pháp vẫn cấm các chuyến du lịch không cần thiết giữa các khu vực, trong khi các trường học Ý sẽ chỉ trở lại vào tháng 9 và các Thánh lễ tại nơi công cộng vẫn bị cấm tại quốc gia này.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 05/2020 bao gồm những vấn đề sau:

- 1. Kỳ họp quốc hội thứ 9 khóa XIV chia thành 2 đợt (20/5-30/5 và 10/6-19/6).** Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân cho biết, để lấy ý kiến về những vấn đề lớn còn ý kiến khác nhau của một số dự án Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 tới, trong tháng 4, UBTVQH sẽ tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách theo hình thức trực tuyến. 5 dự án luật sẽ được thảo luận tại Hội nghị, trong đó có Dự án Luật PPP; Dự án Luật Đầu tư (sửa đổi); Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi). Kỳ họp dự kiến bổ sung 4 nội dung: Dự án Luật Cư trú (sửa đổi); các dự thảo nghị quyết về: phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA); việc gia nhập Công ước số 105 của ILO về xóa bỏ lao động cưỡng bức, 1957. Các dự án luật này sẽ là điểm đáng chú ý trong quý tới về cải thiện tiến độ xử lý thủ tục hành chính và

giải ngân các dự án đầu tư công trong bối cảnh kinh tế đang có dấu hiệu giảm tốc từ dịch bệnh COVID 19.

2. Hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa. Thông tư 02/2020/TT-NHNN quy định Thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện trên cơ sở hai giao dịch thanh toán và chuyển tiền riêng biệt: giao dịch chuyển tiền thanh toán cho hợp đồng mua hàng hóa và giao dịch nhận tiền từ hợp đồng bán hàng hóa. Giao dịch chuyển tiền thanh toán có thể được thực hiện trước hoặc sau giao dịch nhận tiền. Mọi hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa phải thực hiện thông qua ngân hàng được phép. Thương nhân chỉ được thanh toán và chuyển tiền trong cùng một giao dịch kinh doanh chuyển khẩu theo hợp đồng mua hàng hóa và hợp đồng bán chính hàng hóa đó tại cùng một ngân hàng được phép. Thương nhân được sử dụng ngoại tệ trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thương nhân đó, ngoại tệ mua của ngân hàng được phép để chuyển ra nước ngoài thanh toán cho các hợp đồng mua hàng hóa.

3. Thông tư 05/2020/TT-BTTTT giá cước kết nối cuộc gọi thoại giữa hai mạng viễn thông. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định giá cước kết nối cuộc gọi thoại giữa hai mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc và giữa mạng viễn thông cố định mặt đất nội hạt với mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc.

- Giá cước kết nối đối với cuộc gọi thoại giữa hai mạng di động được áp dụng như sau: mạng khởi phát cuộc gọi trả mạng kết cuối cuộc gọi giá cước kết nối là 270 đồng/phút (hai trăm bảy mươi đồng một phút).
- Giá cước kết nối đối với cuộc gọi thoại từ mạng cố định nội hạt vào mạng di động được áp dụng như sau: mạng khởi phát cuộc gọi trả mạng kết cuối cuộc gọi giá cước kết nối là 270 đồng/phút (hai trăm bảy mươi đồng một phút).
- Giá cước kết nối đối với cuộc gọi thoại từ mạng di động vào mạng cố định nội hạt được áp dụng như sau: mạng khởi phát cuộc gọi trả mạng kết cuối cuộc gọi giá cước kết nối là 270 đồng/phút (hai trăm bảy mươi đồng một phút).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020 và thay thế cho các Thông tư, Quyết định sau đây: Thông tư số 48/2017/TT-BTTTT, Thông tư số 22/2011/TT-BTTTT, Quyết định số 53/2008/QĐ-BTTTT, Quyết định số 43/2008/QĐ-BTTTT.

4. Lao động tại Hàn Quốc phải ký quỹ 100 triệu đồng. Theo Quyết định này, người lao động trước khi đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS phải ký quỹ để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng, về nước đúng thời hạn sau khi chấm dứt hợp đồng lao động. Mức ký quỹ là 100 triệu đồng. Thời

hạn ký quỹ là 05 năm 06 tháng. Trong 35 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS với Trung tâm Lao động ngoài nước, người lao động phải ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn nơi đăng ký thường trú.

5. Thêm 4 ngành nghề được ưu đãi đầu tư. Nghị định 37/2020/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/5/2020 đã bổ sung vào danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP về các hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, 04 ngành nghề được bổ sung mới bao gồm:

- Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Đầu tư kinh doanh khu làm việc chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2019M09	2019M10	2019M11	2019M12	2020M01	2020M02	2020M03	2020M04
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	7.31	-	-	6.97	-	-	3.82	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	6.98	-	-	7.02	-	-	3.82	-
PMI	50.5	50.0	51.0	50.8	50.6	49.0	41.9	32.7
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	9.7	9.2	5.4	10.4	-5.5	23.7	5.4	-10.5
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	9.5	9.5	9.3	8.86	-5.5	6.2	5.8	1.8
Tổng doanh thu dịch vụ bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ năm trước (%)	12.7	13.3	12.6	11.4	10.2	6.0	-0.8	-26
Tổng doanh thu dịch vụ bán lẻ hàng hóa ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	11.6	11.8	11.8	11.3	10.2	8.3	4.7	-4.3
CPI so với tháng trước (%)	0.32	0.59	0.96	1.4	1.23	-0.17	-0.72	-1.54
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	1.98	2.24	3.52	5.23	6.43	5.40	5.56	2.93
FDI đăng ký ytd (tỷ USD)	15.76	18.30	20.60	22.5	4.83	5.64	6.60	9.8
FDI giải ngân ytd (tỷ USD)	14.2	16.20	17.60	20.4	1.60	2.50	3.90	5.2
Xuất khẩu (tỷ USD)	23.3	24.2	22.6	22.5	19.0	18.6	20.0	19.7
Nhập khẩu (tỷ USD)	21.7	22.4	22.5	22.3	19.1	18.5	19.0	20.4
Cán cân TM (tỷ USD)	1.6	1.8	0.1	0.2	-0.1	0.1	1.0	-0.7
Tỷ giá (USD/VND)	23,266	23,262	23,260	23,218	23,200	23,233	23,637	23,570
Tăng trưởng tín dụng (%)	8.4	-	-	13.7	-	-	0.68	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 4/2020

Tổng quan thị trường

Trong tháng 4, VN-Index ghi nhận đà hồi phục tích cực sau khi đã giảm điểm mạnh trong quý I. Diễn biến dịch Covid-19 tại Việt Nam đã nằm trong kiểm soát cùng với hàng loạt chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ nền kinh tế đã giúp nâng đỡ tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền nội đổ mạnh vào thị trường cũng phần nào giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực từ việc khối ngoại liên tiếp bán ròng. Tuy vậy, nhịp điều chỉnh mạnh khi HĐTL dầu WTI giảm dưới 0 đô la cũng cho thấy rủi ro vẫn tồn tại, đặc biệt trong bối cảnh các nước lớn chưa kiểm soát hoàn toàn được dịch bệnh. Tính đến ngày 29/04/2020, VN-Index chính thức tăng 106.6 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+16.09% MoM, -19.97% Ytd) và HNX-Index tăng +14.2 điểm (+15.33% MoM, +4.22% Ytd).

Hiệu suất của các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa đều đồng thuận tăng mạnh. Trong tháng 4, sàn HSX có 314 cổ phiếu tăng, 58 cổ phiếu giảm và 9 cổ phiếu không đổi. 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm VHM tăng +15.6% (góp 8.22 điểm), VIC tăng +10.2% (góp 8.21 điểm), SAB tăng +32.5% (góp 6.87 điểm), VCB tăng +9.7% (góp 6.3 điểm), BID tăng +15.4% (góp 5.45 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm LGC giảm -5.4% (giảm -0.13 điểm), HPX giảm -6.1% (giảm -0.10 điểm), TVB giảm -34.3% (giảm -0.07 điểm), DAT giảm -39.1% (giảm -0.07 điểm) và ABS giảm -29.3 (giảm -0.06 điểm).

Bảng 6

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
4	769.11	4.77	2,684.21
3	662.53	4.73	2,312.03
2	882.19	3.36	3,020.00
1	936.62	2.35	3,206.04
12	960.99	3.69	3,279.93
11	970.75	3.50	3,309.56

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

Bảng 7

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
4	106.84	1.02	207.94
3	92.64	1.43	185.31
2	109.58	0.81	211.55
1	102.36	0.47	192.02
12	102.51	0.56	194.72
11	102.5	0.46	182.75

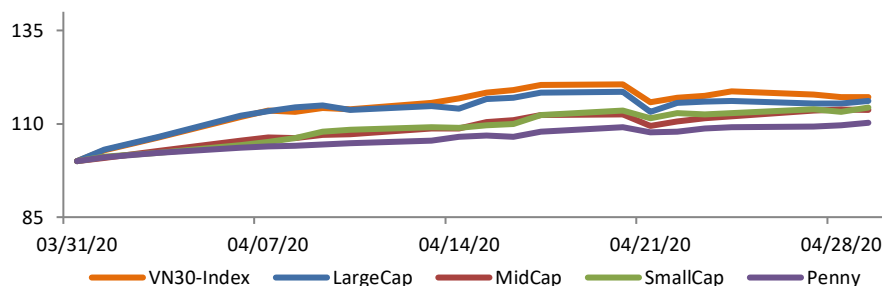
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Hiệu suất của các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa đều đồng thuận tăng mạnh. Trong tháng 04, thị trường chủ yếu được nâng đỡ bởi dòng tiền chảy đều vào các nhóm cổ phiếu. Trong giai đoạn nửa đầu tháng 4, nhịp hồi phục được dẫn dắt bởi nhóm LargeCap và VN30; dòng tiền dần lan tỏa đến các nhóm cổ phiếu vốn hóa thấp hơn trong thời gian còn lại. Cụ thể, LargeCap tăng +16.10%, MidCap tăng +13.55%, SmallCap tăng +14.35%, Pennies tăng +10.27%, và VN30 tăng +17.12%.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu

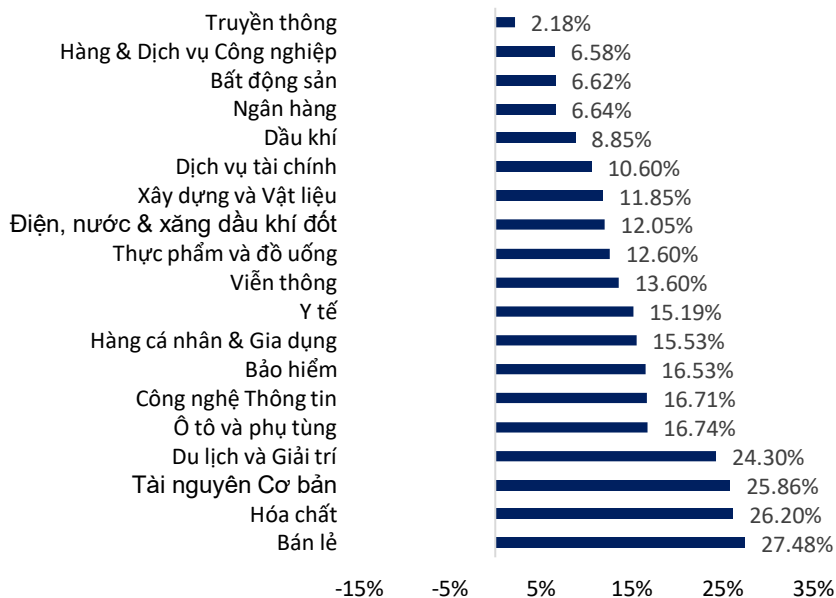


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 4, thị trường có 19/19 ngành tăng điểm. Trong đó, Bán lẻ tăng mạnh nhất với hiệu suất 27.48% do sự đóng góp của cổ phiếu MWG và PNJ với mức tăng lần lượt là +38.71% và +23.97%.

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 tháng 4 2020



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

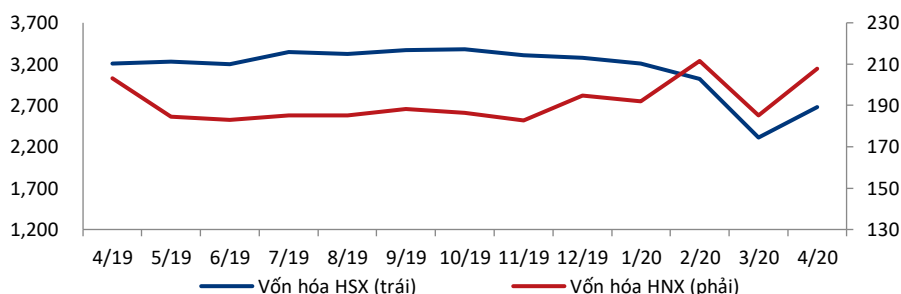
Quy mô vốn hóa

Vốn hóa trên cả 2 sàn đạt 2,892 nghìn tỷ đồng tương đương 124.7 tỷ USD tăng mạnh +15.8% MoM, -16.8% Ytd. Sàn Upcom tăng mạnh lên mức 799.5 nghìn tỷ cuối tháng 4. Tính trong tháng 4, trên sàn HOSE không có cổ phiếu niêm yết lần đầu và cổ phiếu hủy niêm yết, 120.02 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung; 7 triệu ETF niêm yết bổ sung và 19.9 triệu ETF hủy niêm yết; không có trái phiếu niêm yết bổ sung và 30 triệu trái phiếu hủy niêm yết; 53.6 triệu chứng quyền hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 29/04, sàn đang niêm yết 89.03 tỷ cổ phiếu tương đương 890.29 nghìn tỷ đồng (95.75% giá trị thị trường), 339.2 triệu trái phiếu tương đương 33.9 nghìn tỷ đồng (3.65% giá trị thị trường), 482.3 triệu chứng chỉ ETF tương đương 4.82 nghìn tỷ đồng (0.52% thị trường).

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường



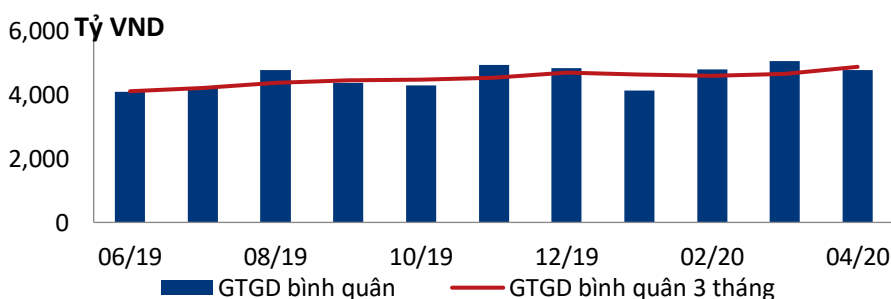
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn giảm nhẹ -5.52% so với tháng 03/2020, và đạt mức 4,779 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 205.11 triệu USD/phiên. Thanh khoản giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì xấp xỉ quanh mức bình quân 3 tháng cho thấy dòng tiền nhìn chung vẫn nằm trong thị trường.

Đồ thị 12

Giá trị giao dịch bình quân



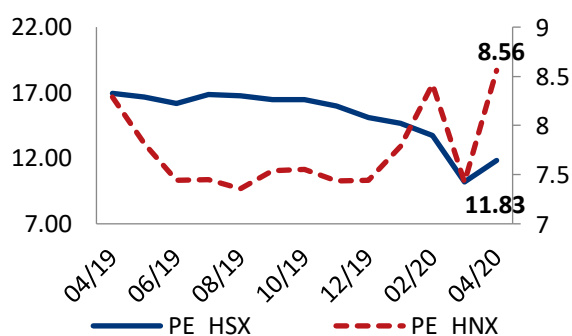
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mặt bằng giá của TTCK VN

P/E của VN-Index hồi phục mạnh lên mức 11.83 tương ứng +16.07% MoM, -21.56% Ytd và HNX-Index tăng trở lại mức 8.56 tương ứng +15.33% MoM, +15.02% Ytd. P/E của cả hai sàn có mức hồi phục mạnh đồng thuận với đà tăng của chỉ số, cho thấy tâm lý nhà đầu tư tiếp tục lạc quan với vận động của thị trường. So với tháng 03, P/E của chỉ số VN-Index giảm xuống vị trí thứ 14 và HNX-Index tăng lên vị trí thứ 19 trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13

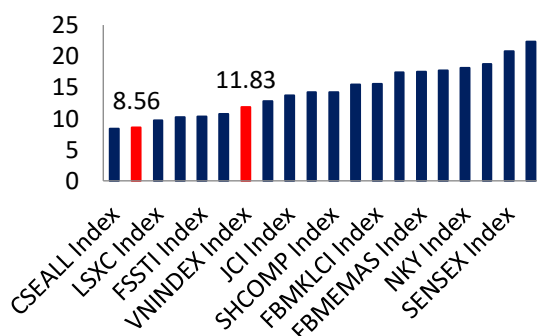
Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14

Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



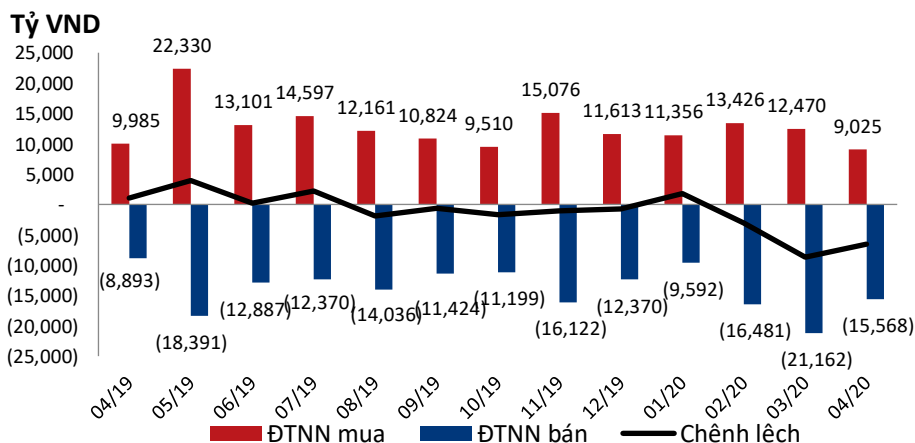
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giao dịch của khối ngoại

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong tháng 04. Tháng 04 cũng chứng kiến khối ngoại bán ròng trên sàn Upcom khi tổng giá trị bán ròng đạt -267.1 tỷ đồng, họ tập trung bán -145.5 tỷ đồng ACV và -105.9 tỷ đồng BSR trong khi mua ròng 39.1 tỷ đồng VTP và 18.3 tỷ đồng LPB.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn



Trong tháng 04, khối ngoại bán ròng mạnh trên sàn HSX -6,129 tỷ đồng với 195 cổ phiếu bán ròng và 136 cổ phiếu mua ròng, bán ròng -405 tỷ đồng trên sàn HNX với 104 cổ phiếu bị bán và 72 cổ phiếu được mua. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã HPG (99.4 tỷ đồng), FPT (87.3 tỷ đồng), VHM (48.4 tỷ đồng), và bán các mã VIC (-1,214.3 tỷ đồng), VNM (-606.0 tỷ đồng), VCB (-433.5 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung bán SHB (-114.8 tỷ đồng), VHL (-76.2 tỷ đồng) và mua VCS (8.2 tỷ đồng), ART (1.8 tỷ đồng).

Bảng 8

Top 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 4

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	99.36	VIC	(1,214.33)
FPT	87.33	VNM	(606.01)
VHM	48.36	VCB	(433.55)
HCM	40.52	VRE	(345.93)
PHR	32.59	VPB	(334.47)
NVL	29.52	HDB	(295.28)
PDR	12.73	STB	(278.20)
PPC	11.60	VGC	(265.46)
AAA	10.66	BID	(216.50)
DHC	9.27	DBC	(204.78)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Top 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 4

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VCS	8.22	SHB	(114.78)
ART	1.81	VHL	(76.19)
INN	1.41	PVS	(71.53)
HDA	1.39	TNG	(46.79)
SDT	0.84	LAS	(26.21)
SLS	0.59	HUT	(17.31)
CEO	0.40	SHS	(13.36)
IDV	0.39	IDJ	(7.58)
SD6	0.31	SED	(7.47)
HAD	0.29	BVS	(6.94)

Nguồn: BSC Research

Triển vọng thị trường tháng 4

Dịch Covid-19 đang tàn phá các nền kinh tế chủ chốt trên thế giới. Theo sau mức tăng trưởng quý I của Trung Quốc (-6.8%) và Nhật Bản (-1.8%), Hoa Kỳ và Châu Âu cũng công bố vào cuối tháng 4 với mức sụt giảm lần lượt -4.8%, -3.8%. Riêng với Hoa Kỳ, đây là mức sụt giảm mạnh nhất từ 2008 và là quý thu hẹp đầu tiên từ 2014. Nước Hoa Kỳ cũng mất 30.3 triệu việc làm trong 6 tuần qua, đánh dấu cuộc khủng hoảng việc làm tồi tệ nhất trong lịch sử. Ngoại trừ Trung Quốc, 80% thời gian quý I các nền kinh tế chủ chốt vận hành bình thường, do vậy trong quý II với gần 1 tháng giãn cách xã hội thì mức sụt giảm còn lớn hơn. Bloomberg Economics dự báo kinh tế Hoa Kỳ thu hẹp 37% trong quý II. Với triển vọng quý II tiêu cực, nhiều nền kinh tế trong đó có Hoa Kỳ sẽ bước với suy thoái. Cũng theo khảo sát của Bloomberg với hơn 50 tổ chức tài chính, GDP 2020 của Thế giới, Hoa Kỳ, Eurozone, Trung Quốc, Nhật Bản lần lượt ở mức -1.5%, -3.9%, -5.3%, 2% và -3.5%.

Các chính sách tài khóa và tiền tệ vẫn tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hỗ trợ nền kinh tế (Phụ lục 2). FED trong cuộc họp chính sách tháng 4 cam kết giữ nguyên lãi suất gần 0% cho đến khi việc làm và lạm phát hoàn toàn hồi phục. ECB cũng quyết định giữ nguyên lãi suất trong kỳ họp tháng 4 và sẵn sàng gia tăng chương trình thu mua khẩn cấp trong đại dịch (PEPP). Gói kích thích này công bố tháng 3 với quy 750 tỷ EUR, ECB sẽ gia tăng và điều chỉnh chương trình theo hướng nhiều nhất và lâu nhất có thể. Quốc hội Nhật Bản cũng thông qua ngân sách bổ sung 240 tỷ USD cho tài khóa 2020 để tài trợ cho gói biện pháp khẩn cấp đối phó dịch bệnh.

Tính đến 30/4, thế giới đã có trên 3.3 triệu ca nhiễm, số ca tử vong và hồi phục chiếm 7% và 31% tổng ca nhiễm. Hoa Kỳ dẫn đầu về ca nhiễm và tử vong, chiếm lần lượt 33% và 27% số liệu tương ứng của toàn thế giới. Một số quốc gia trên thế giới đã thực hiện nới giãn cách xã hội khi dịch bệnh tạo đỉnh. Hoạt động sản xuất và sinh hoạt một số quốc gia sẽ từng bước trở lại bình thường trong tháng 5 sau gần 1 tháng kiểm soát. Cùng với các chính sách hỗ trợ mạnh, thông tin dịch bệnh và vùng giá thấp hỗ trợ các thị trường chứng khoán hồi phục tốt trong tháng 4. Các chỉ số MSCI các thị trường phát triển, MSCI khu vực mới nổi, MSCI khu vực biên (theo tỷ giá USD) có mức giảm lần lượt 10.8%, 9% và 7%.

Thị trường hàng hóa (Bcom Index) giảm -2.3% trong tháng 4, nhiều mặt hàng giảm giá, đáng chú ý mức giảm -19.4% từ giá đầu. Các kim loại quý tiếp tục tăng giá mạnh gồm vàng (+9.5%) và bạc (+10.5%). Thị trường tiền tệ, USD Index ổn định với mức tăng nhẹ 0.6% với hầu hết đồng tiền chủ chốt. Một số đồng nội tệ giảm mạnh trong quý I đã hồi phục đáng kể gồm RUB (Nga), IDR (Indonesia) tăng lại 8% và 8.7% tuy nhiên BRL (Brazil) vẫn tiếp tục giảm giá -6.2%.

TTCK Việt Nam hồi phục trong xu hướng chung của thị trường khu vực và thế giới. Dòng tiền bắt đáy của khối nhà đầu tư nội, hoạt động mua cổ phiếu quỹ và tăng tỷ lệ nắm giữ của lãnh đạo các công ty niêm yết đã hấp thụ lực bán của NĐT nước ngoài. **VN-Index tăng 16.1%, mức tăng vượt trội so với các nước khu vực và trên thế giới (Phụ lục 3)**. Đà tăng diễn ra trên diện rộng trong 3 tuần đầu tháng 4. Diễn biến phân hóa diễn ra mạnh trong 2 tuần cuối tháng trước KQKD quý I cũng áp lực chốt lãi ngắn hạn.

Trong tháng 4, BSC tập trung cập nhật thông tin, đánh giá và dự báo tác động ảnh hưởng dịch bệnh đến ngành và doanh nghiệp qua Báo cáo triển vọng ngành Q2 2020 ([Link](#)). Báo cáo đánh giá khả quan với các ngành Ngân hàng, Công nghệ thông tin – Bưu chính viễn thông và đánh giá kém khả quan với Thủy sản, Dầu khí, Hàng không, Dệt may, Vận tải biển, Xây dựng và Đường. Chủ đề đầu tư tập trung vào nhóm có khả năng xảy ra nhiều nhất dựa trên gói hỗ trợ kích cầu từ Chính phủ: (1) Các doanh nghiệp hưởng lợi từ tăng cường đầu tư công; (2) Nhóm liên quan thoái vốn từ SCIC; (3) Thay đổi tỷ trọng Việt Nam trong rổ frontier; (4) Nhóm hưởng lợi từ NVL đầu vào giảm; (5) Nhóm hưởng lợi từ làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc. BSC cũng thực hiện các báo cáo phân tích cơ hội đầu tư các cổ phiếu FPT ([Link](#)), PHR ([Link](#)), cũng cập nhật nhanh 27 công ty qua iBroker ([Link](#)) trong mùa công bố KQKD quý I và cung cấp công cụ đầu tư qua i-Invest ([Link](#)).

Sau gần 1 tháng thực hiện cách ly xã hội, một số quốc gia đã thực hiện nói lỏng biện pháp này và đang từng bước đưa nền kinh tế về lại hoạt động bình thường. Kiểm soát dịch bệnh đồng hành với khôi phục kinh tế hậu dịch bệnh của thế giới và trong nước là thông tin quan trọng hỗ trợ cho TTCK. Cùng với đó, những thông tin cũng có tác động đến thị trường trong tháng 4 như sau:

Dịch Virus Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 4 và kỳ vọng sẽ cải thiện tháng 5 khi thực hiện nói lỏng dần cách xã hội. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô – xã hội quý I tiếp tục sụt giảm trong tháng 4 do áp dụng chỉ thị giãn cách xã hội trong phần lớn thời gian: (1) Chỉ số công nghiệp giảm 10.5% so cùng kỳ; (2) Số doanh nghiệp mới mở giảm 47%; (3) FDI giảm 15.5% cùng kỳ; (4) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng giảm 26%; (5) Kim ngạch xuất khẩu giảm 18% so tháng trước và 3.5% so cùng kỳ; (6) Khách quốc tế giảm 98% so cùng kỳ. Nhìn chung ảnh hưởng tiêu cực đã được dự báo và cũng là cái giá phải trả cho việc kiểm soát dịch bệnh. Bên cạnh những yếu tố tiêu cực, cán cân XNK tháng 4 xuất siêu 3 tỷ USD, hỗ trợ ổn định tỷ giá trong nước. Cùng với đó, CPI giảm 1.54% so với tháng trước giảm bớt áp lực lạm phát trong 4 tháng đầu năm.

Dịch bệnh cũng không xuất hiện mới trong 14 ngày liên tiếp, chính sách nói lỏng cách ly xã hội đã thực hiện lại vào cuối tháng 4 và gói hỗ trợ 63 nghìn tỷ bắt đầu được giải ngân là những yếu tố kỳ vọng đưa nền kinh tế nhanh chóng trở lại hoạt động bình thường và sớm lấy lại được đà tăng trưởng. Tuy nhiên mức phục hồi nhanh hay chậm sẽ phụ thuộc khá nhiều vào tình hình cải thiện của các nền kinh tế chủ chốt thế giới.

KQKD quý I sụt giảm 10.6% so cùng kỳ, chỉ số P/E và P/B của VN-Index tăng lần lượt 17% và 14% so đáy 24/3.

Tính đến cuối tháng 4, 71% số công ty niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX đã công bố KQKD với tổng LNST 39.2 nghìn tỷ, giảm 10.6% so cùng kỳ (mức sụt giảm tương đương 20% nếu loại bỏ lợi nhuận tăng đột biến của VHM từ hoạt động tài chính). Kết quả kinh doanh có sự phân hóa mạnh với 44.8% số công ty công bố có lợi nhuận tăng trưởng dương và 19% công ty thua lỗ. Tính riêng trong nhóm VN30, 26/30 cổ phiếu VN30 đã công bố KQKD với LNST tăng 8.4% (Nếu bỏ LNST đột biến từ VHM, LNST sẽ giảm 5.2%) và có 42% công ty tăng trưởng lợi nhuận dương. 29% công ty còn lại sẽ công bố KQKD trong tuần đầu tháng 5, và dự báo không làm thay đổi trạng thái hiện tại. KQKD quý I do vậy không quá tiêu cực nhờ lợi nhuận bất thường từ VHM. Tuy nhiên nếu hoạt động SXKD không sớm trở lại bình thường thì KQKD quý II dự báo còn giảm sút rõ ràng hơn khi có gần 1 tháng giãn cách xã hội và các công ty cũng không còn hợp đồng gối đầu và LN để dành như trong quý I.

VN-Index hồi phục và các công ty công bố KQKD quý I làm thay đổi đến chỉ số P/E và P/B của thị trường. Tính đến 30/4, P/E và P/B của VN-Index lần lượt 12.2 và 1.7, tăng 16% so với dữ liệu cuối tháng 3. Mức P/E này có thể điều chỉnh lên mức 13 lần sau khi cập nhật đầy đủ mức sụt giảm LNST 10% quý I. Chỉ số này vẫn thấp hơn đáng kể so với mức P/E bình quân 15.5 lần của 5 năm gần nhất. Mức định giá này có thể sẽ không quá rẻ nếu KQKD quý II sẽ tiếp tục giảm mạnh. Dù vậy, đây vẫn là mức khá hợp lý cho hoạt động đầu tư dài hạn khi các nền kinh tế phục hồi dần vào cuối năm.

Ấn số từ dòng tiền nội của nhà đầu tư cá nhân trong nước, Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh bán ròng gần 258 triệu USD tháng 4, qua đó nâng tổng giá trị bán ròng 633 triệu USD từ đầu năm. Cùng với đó, khối tự doanh các CTCK bán ròng 1,915 tỷ trong tháng 4, đi ngược lại với xu thế mua ròng 357 tỷ trong 3 tháng đầu năm. Hoạt động bán ròng tập trung vào cổ phiếu MSN, GEX, DBC, PLX, FPT và HPG. Tuy nhiên thị trường tiếp tục duy trì đà hồi phục từ vùng đáy 660 điểm phần lớn nhờ vào dòng vốn đầu tư trong nước và hoạt động mua cổ phiếu quỹ và tăng tỷ trọng của lãnh đạo các công ty niêm yết.

Số lượng tài khoản cá nhân đầu tư trong nước tăng đột biến trong tháng 3, cùng với dòng tiền bắt đáy tại vùng giá thấp trước áp lực chốt lãi và hoạt động bán ròng khối ngoại đang cho thấy thị trường có dòng tiền mới từ NĐT cá nhân trong nước. Mặt khác dữ liệu dư nợ cho vay ký quỹ của các công ty chứng khoán quý I năm 2020 ở mức 47.4 nghìn tỷ, giảm 13.8% so quý IV năm 2019. Số liệu này cũng thấp nhất trong 12 tháng qua cho thấy NĐT cũ đã giảm mạnh tỷ lệ margin trong khi NĐT mới cũng chưa sử dụng đáng kể margin cho hoạt động đầu tư hiện tại.

Nếu trong tháng 3, các công ty niêm yết đã đăng ký với mua cổ phiếu quỹ với giá trị 154 triệu USD. Sang tháng 4 tiếp tục những thương vụ lớn, tiêu biểu VNM đăng ký mua 1% cổ phiếu lưu hành với giá trị ước khoảng 77.5 triệu USD và VPB mua 5% cổ phiếu lưu hành với giá trị ước khoảng 107 triệu USD. Cùng

với đó cổ đông nội bộ của các công ty trên và nhiều công ty khác cũng đăng ký mua vào tăng tỷ trọng nắm giữ.

Đây là chuyển dịch đáng chú ý của dòng tiền trong ngắn hạn. Tuy nhiên liệu dòng tiền này có đủ độ bền và cân bằng lại được hoạt động bán ròng khối ngoại và áp lực chốt lãi ngắn hạn hay không vẫn cần thời gian gian để kiểm chứng.

Bảng 12

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 5:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động sản kinh doanh dần đi vào ổn định sau chỉ thị nới lỏng giãn cách ly xã hội. .	Tích cực đến nền kinh tế, doanh nghiệp và TTCK
Mặt bằng cổ phiếu giữ ở mức thấp trong 5 năm, vẫn khá phù hợp trong trường hợp nền kinh tế hồi phục dần vào cuối năm.	Tích cực, hỗ trợ cho hoạt động đầu tư trung dài hạn
Dòng vốn mới từ NĐT cá nhân trong nước	Tích cực, cần thời gian kiểm chứng
Hội nghị TW Đảng và Quốc hội tháng 5	Thông tin quan trọng liên quan đến nhân sự cũng như phát triển KT - XH
Hoạt động công bố KQKD quý I năm 2020 và mùa đại hội cổ đông thường niên.	Vào giai đoạn cuối, ảnh hưởng không còn lớn
Các quỹ ETFs dựa trên bộ chỉ số VNFin lead Index và VNDiamond Index thực hiện chào bán.	Thêm lựa chọn cho NĐT
Hoạt động rút vốn của khối ngoại trong quý I, có thể kéo dài sang đầu quý II	Tác động tiêu cực
Dịch bệnh Virus Covid-19 có dấu hiệu tạo đỉnh tại nhiều nước. 1 số nước thực hiện chính sách giãn cách ly xã hội	Ảnh hưởng tích cực
Nguy cơ suy thoái cao ở các nước và khu vực chủ chốt thế giới	Tiêu cực trung hạn, phụ thuộc vào tốc độ hồi phục các nền kinh tế
Giá dầu biến động mạnh và duy trì ở vùng thấp	Ảnh hưởng các nước xuất khẩu, cũng hỗ trợ sản xuất sớm hồi phục
Xung đột địa chính trị gia tăng tại Syria và các nguy cơ xung đột các nước vùng Vịnh.	Ảnh hưởng cục bộ

Nguồn: BSC Research

VN-Index giảm về 650 điểm và dần hồi phục theo nhận định chúng tôi. Mặt bằng giá thấp, dòng tiền nội tích cực hỗ trợ cho thị trường hồi phục nhanh chóng. Mùa KQKD quý I đang ở giai đoạn cuối, áp lực chốt lãi ngắn hạn và hoạt động bán ròng khối ngoại đẩy thị trường vào trạng thái giằng co và phân hóa trong 10 ngày cuối tháng 4. Dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh dần đi vào ổn định hỗ trợ thị trường tháng 5. Tuy vậy thị trường không còn các yếu tố thuận lợi từ mặt bằng giá thấp và dòng vốn nội tích cực để duy trì đà tăng tốt. Kịch bản “Sell in May and Go away” sẽ phụ thuộc khá lớn vào khả năng hồi phục của các nền kinh tế chủ chốt sau dịch bệnh và dòng tiền đầu tư trên TT. Với bối cảnh hiện tại, chúng tôi thận trọng với diễn biến ngắn hạn và dự báo thị trường sẽ vận động quanh 750 (± 50 điểm) trong tháng 5.

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 750 điểm và vận động phân hóa theo những chủ đề lớn liên quan đến đầu tư công và sản xuất hồi phục.

- Trường hợp tiêu cực, VN-Index quay lại kiểm tra vùng đáy cũ nếu các nền kinh tế chủ chốt không hồi phục như kỳ vọng sau dịch bệnh và áp lực thoái vốn từ khối ngoại.

NĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng ngành Q2 2020 ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu các ngành như Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
- Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hoạt động đẩy mạnh đầu tư công như Thép, Xi măng VLXD, Nhựa đường;
- Nhóm hưởng lợi từ NVL đầu vào giảm như Phân bón, Xăm lớp, Hóa chất;
- Các cổ phiếu Tiện ích, cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

* Danh mục đáng chú ý trong tháng: Theme_Hàng tiêu dùng_33.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Hàng tiêu dùng	1.1%	-1.7%	33.8%	33.8%	-13.7%	-13.7%	15.6%
Corona Avengers	1.4%	-0.3%	33.4%	33.4%	-12.1%	-12.1%	15.6%
Chiến tranh thương mại	0.0%	5.8%	30.8%	30.8%	-17.2%	-17.2%	17.6%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	0.9%	29.4%	29.4%	-12.4%	-12.4%	22.0%
Stay-at-home	1.4%	-0.7%	29.3%	29.3%	-6.2%	-6.2%	22.0%
Lãi suất giảm	1.1%	1.1%	28.8%	28.8%	-15.0%	-15.0%	19.1%
Dầu khí	3.1%	-1.9%	28.2%	28.2%	-30.7%	-30.7%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	0.6%	25.1%	25.1%	-15.2%	-15.2%	22.6%
Xây dựng	-0.5%	1.8%	24.3%	24.3%	-14.7%	-14.7%	22.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	-1.2%	23.9%	23.9%	-20.9%	-20.9%	22.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	-0.1%	22.8%	22.8%	-4.5%	-4.5%	15.6%
Nước & Năng lượng	0.4%	-0.5%	21.5%	21.5%	-13.9%	-13.9%	22.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	0.2%	21.2%	21.2%	-19.4%	-19.4%	17.6%
VN Diamond	0.3%	0.0%	21.2%	21.2%	-20.2%	-20.2%	22.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	-1.8%	19.7%	19.7%	-17.5%	-17.5%	17.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	-1.5%	17.2%	17.2%	-22.6%	-22.6%	22.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.1%	2.0%	16.9%	16.9%	-18.9%	-18.9%	22.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.7%	-0.1%	16.2%	16.2%	-19.6%	-19.6%	17.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.2%	-0.1%	15.6%	15.6%	-7.5%	-7.5%	17.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	-2.2%	15.4%	15.4%	-18.9%	-18.9%	22.0%
VN FinSelect	0.2%	-0.5%	15.2%	15.2%	-19.4%	-19.4%	22.0%
Ngân Hàng	1.2%	0.4%	15.0%	15.0%	-17.3%	-17.3%	22.0%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-2.2%	13.0%	13.0%	-19.3%	-19.3%	15.6%
Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.8%	1.2%	31.0%	31.0%	-20.6%	-20.6%	20.9%
S32	-0.7%	-0.9%	30.0%	30.0%	-23.7%	-23.7%	22.1%
L22	0.9%	0.8%	27.2%	27.2%	-16.6%	-16.6%	19.5%
S21	1.5%	0.8%	22.8%	22.8%	-16.8%	-16.8%	19.8%
M22	0.8%	-0.7%	20.6%	20.6%	-15.3%	-15.3%	18.8%
M31	0.9%	0.0%	19.9%	19.9%	-18.2%	-18.2%	20.9%
L11	1.0%	-0.1%	19.6%	19.6%	-17.1%	-17.1%	17.3%
M12	0.7%	-0.4%	16.3%	16.3%	-17.0%	-17.0%	19.9%
S11	1.3%	-0.2%	15.3%	15.3%	-11.8%	-11.8%	18.7%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.4%	0.9%	26.2%	26.2%	-10.0%	-10.0%	18.8%
MID1	2.1%	1.4%	24.8%	24.8%	-10.2%	-10.2%	17.4%
LOW1	0.1%	-0.5%	14.6%	14.6%	-15.5%	-15.5%	17.0%
INDEX							
VNINDEX	0.2%	-1.0%	16.1%	16.1%	-20.0%	-20.0%	16.8%
VN30INDEX	-0.1%	-1.3%	17.1%	17.1%	-18.6%	-18.6%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	13	10	16	7	18	5
Mục tiêu	9	8	1	9	0	8	1
Rủi ro	3	2	1	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phụ lục 1: Diễn biến TTCK cùng tín hiệu vĩ mô Trung Quốc

1. Diễn biến các nhóm ngành Trung Quốc:

Ngành	Phong tỏa kinh tế đến ngày dỡ bỏ (23/01-24/03)	1 tháng sau bắt đầu dỡ bỏ phong tỏa kinh tế ngày (23/03-24/04)	Từ thời điểm phong tỏa đến ngày 24/04
Dịch vụ truyền thông	-5.94%	0.19%	-5.1%
Tiêu dùng không thiết yếu	-16.41%	2.41%	-11.4%
Tiêu dùng thiết yếu	-5.90%	15.04%	11.7%
Năng lượng	-21.11%	-1.26%	-19.9%
Tài chính	-14.63%	-2.11%	-14.6%
Y tế	-9.41%	10.01%	2.5%
Công nghiệp	-11.76%	3.92%	-7.0%
Công nghệ thông tin	-13.22%	3.31%	-10.1%
Nguyên vật liệu	-16.02%	2.79%	-11.2%
Bất động sản	-18.18%	2.39%	-14.0%
Tiện ích	-11.39%	-0.77%	-10.0%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research,

9/11 nhóm ngành vẫn giảm điểm mạnh từ thời điểm phong tỏa kinh tế. Xu hướng hồi phục chỉ thể hiện rõ nhất ở hai nhóm là ngành **Tiêu dùng thiết yếu** và ngành **Y tế**. 2 nhóm này đã có dấu hiệu tăng cao hơn cả thời điểm bắt đầu cấm vận kinh tế do dòng tiền thông minh đầu tư vào nhóm cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID 19. Các nhóm ngành còn lại mới chỉ có dấu hiệu hồi phục nhẹ so với thời điểm phong tỏa.

2. Tình hình vĩ mô Trung Quốc sau phong tỏa:

Lệnh giãn cách được gỡ bỏ, tạo điều kiện cho việc tái khởi động sản xuất kinh doanh tại Trung Quốc. Các chỉ tiêu vĩ mô phản ánh việc hồi phục, tuy còn chậm chạp của nước này trong tháng 3-4:

- PMI giảm nhẹ xuống 49.4 điểm trong tháng 4, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng thế giới suy giảm, sau khi phục hồi mạnh lên 50.1 điểm trong tháng 3 từ mức thấp 40.3 điểm trong tháng 2.
- Lạm phát tăng 4.3% YoY trong tháng 3, giảm so với mức tăng 5.2% YoY trong tháng 2, chủ yếu do nhóm thực phẩm tăng 18.3%.
- Lũy kế tới tháng 3, sản xuất công nghiệp giảm -8.4% YoY, tích cực hơn so với -13.5% YoY lũy kế hai tháng đầu 2020. Lũy kế tới tháng 3, đầu tư tài sản cố định giảm -16.1% YoY, tích cực hơn so với -24.5% YoY lũy kế 2 tháng đầu 2020
- Lũy kế tới tháng 3, khu vực bán lẻ giảm -19% YoY, tích cực hơn so với -20.5% lũy kế hai tháng đầu 2020, bởi giãn cách vẫn tiếp tục được thi hành trong tháng 3.
- Niềm tin tiêu dùng đạt 122.2 điểm trong tháng 3, sau khi giảm xuống 118.9 điểm trong tháng 2.
- Lũy kế tới tháng 3, xuất khẩu giảm -13.3% YoY, tích cực hơn so với -17.2% YoY lũy kế hai tháng đầu 2020. Lũy kế tới tháng 3, nhập khẩu giảm -2.9% YoY, tích cực hơn so với -4.0% YoY lũy kế hai tháng đầu 2020.

Phụ lục 2: Các gói hỗ trợ kinh tế của một số nước

STT	Quốc gia	Chính sách hỗ trợ
1	United States	- Cắt giảm lãi suất 2 lần về mức 0% - 0.25%, cam kết duy trì lãi suất đến khi việc làm và lạm phát hoàn toàn hồi phục. Gói nới lỏng định lượng 700 tỷ mua trái phiếu Chính phủ và trái phiếu thế chấp. - Gói trợ cấp 2,200 tỷ hỗ trợ ngành công nghiệp, chi trả trực tiếp hộ gia đình, cho vay doanh nghiệp nhỏ, trợ cấp thất nghiệp, bệnh viện và hệ thống y tế.
2	EU	- Giữ nguyên mức lãi suất âm, mở rộng chương trình thu mua khẩn cấp trong đại dịch (PEPP) giá trị 750 tỷ EUR theo hướng nhiều nhất và lâu nhất có thể. - Đức công bố gói kích thích 750 tỷ EUR, Pháp bảo lãnh cho doanh nghiệp vay 300 tỷ EUR, hỗ trợ 45 tỷ EUR cho doanh nghiệp nhỏ và người thất nghiệp, ...
3	China	- Bơm 174 tỷ USD duy trì thanh khoản, giảm lãi suất cho vay trung hạn 1 năm 0.1% xuống 3.15% Hạ lãi suất cơ bản kỳ hạn 1 năm 0.1%, giảm 0.05% với kỳ hạn 5 năm. Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0.5% - 1% tương đương bơm 80 tỷ USD, ... - Chính phủ bơm 142 tỷ USD vào hệ thống ngân hàng để sử dụng cho các dự án trọng điểm, xây dựng hạ tầng.
4	Japan	- BOJ giữ nguyên lãi suất nhưng thực hiện mua không giới hạn trái phiếu Chính phủ, tăng quy mô mua trái phiếu doanh nghiệp gấp đôi. - Gói hỗ trợ khẩn cấp 1,090 tỷ USD và bổ sung ngân sách tài khóa 2020 thêm 240 tỷ đối phó dịch bệnh.
5	South Korea	- BOK giảm lãi suất cơ bản 0.5% xuống 0.75%/năm, lần đầu tiên lãi suất cơ giảm dưới 1%. - Gói cứu trợ 44 tỷ USD hỗ trợ tài chính doanh nghiệp và thúc đẩy tiêu dùng nội địa.
6	Australia	- NHTW cắt giảm lãi suất cơ bản từ 0.5% xuống 0.25%, mức thấp nhất lịch sử. - Gói cứu trợ 80 tỷ USD trợ cấp lương cho hơn 6 triệu lao động ảnh hưởng từ dịch.
7	Singapore	- Cơ quan tiền tệ giảm biên độ tỷ giá xuống mức 0%. - Thực hiện gói hỗ trợ thứ 2 tương đương 33.6 tỷ USD và gói hỗ trợ bổ sung hỗ trợ lượng 3.55 tỷ, đưa quy mô hỗ trợ lên 13% GDP.
8	Malaysia	- Cắt giảm lãi suất 0.25% xuống còn 2.5%. - 3 gói hỗ trợ và kích thích kinh tế có giá trị 65 tỷ USD.
9	Thailand	- NHTW hạ lãi suất cơ bản từ 1.25% xuống 1%, mức thấp kỷ lục sau 3 lần hạ trong 5 cuộc họp chính sách. - Cân nhắc gói kích thích thứ 3 với giá trị 15.1 tỷ USD sau khi đã triển khai 2 đợt với giá 15.6 tỷ USD.
11	Vietnam	- Điều chỉnh giảm lãi suất điều hành 0.5% - 1%, chỉ đạo hoãn, giãn nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Các NHTM thành lập gói tín dụng có quy mô 600 nghìn tỷ.

		- Gói hỗ trợ an sinh hơn 62 nghìn tỷ cho khoảng 20 triệu đối tượng. Thúc đẩy đầu tư công từ ngân sách nhà nước ước khoảng 700 nghìn tỷ.
--	--	---

Nguồn: BSC tổng hợp

Phụ lục 3: Biến động của VN-Index tháng 4 và YTD so với các TTCK khác

Chỉ số chứng khoán	± Tháng 4	± Từ đầu năm
TTCK phát triển		
US (SP500)	12.7%	-9.9%
Germany (DAX)	9.3%	-18.0%
Japan (Nikkei)	6.8%	-14.6%
France (CAC)	4.0%	-23.5%
UK (FTSE)	4.0%	-21.8%
TTCK BRIC		
India (Nifty)	14.7%	-18.9%
Braxin (IBX)	14.0%	-27.8%
Russia (Indexcf)	5.7%	-13.0%
China (Shcomp)	4.0%	-6.2%
TTCK khu vực Asean		
VietNam (VNIndex)	16.1%	-20.0%
Thailand (SET)	15.6%	-17.6%
Phillipines (Pcomp)	7.1%	-27.1%
Singapore (STI)	5.8%	-18.6%
Malaysia (KLCI)	4.2%	-11.4%
Indonexia (JCI)	3.9%	-25.1%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn